

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP MẪU GIÁO NHỎ
NĂM HỌC 2024 -2025.**

| TT | Mục tiêu | Nội dung | Thực hiện chủ đề | Điều chỉnh bổ sung |
|---|---|--|------------------|--------------------|
| I. Phát triển thể chất | | | | |
| a. Phát triển vận động | | | | |
| 1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp | | | | |
| 1 | <p>- Trẻ biết thực hiện đúng, đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh</p> | <p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + ĐT 1: Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang. + ĐT 2: Đưa hai tay ra phía trước - sau và vỗ vào nhau. + ĐT 3: Đưa ra trước, gập khuỷu tay. + ĐT 4: Đưa hai tay ra trước về sau. + ĐT 5: Đánh xoay tròn hai vai. - Lưng: + ĐT 1: Nghiêng người sang bên. + ĐT 2: Quay người sang bên. + ĐT 3: Đứng cúi người về phía trước. + ĐT 4: Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau. + ĐT 5: Ngồi, quay người sang bên. - Chân: + ĐT 1: Đứng, một chân đưa lên trước, khụy gối. + ĐT 2: Đứng, một chân nâng cao - gập gối. + ĐT 3: Đứng, nhún chân, khụy gối. + ĐT 4: Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng. + ĐT 5: Bật lên trước, ra sau, sang bên.</p> | - 1->10 | |
| 2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động. | | | | |
| | - Trẻ giữ được thăng | - Đi và chạy: | | |

| | | | |
|---|--|---|--|
| 2 | <p>bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <p>+ Trẻ bước được liên tục trên ghế thể dục hoặc đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</p> <p>+ Trẻ biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.</p> | <p>+ Đi khụy gối - 10</p> <p>+ Đi bằng gót chân - 1</p> <p>+ Đi lùi. - 10</p> <p>+ Đi trên ghế thể dục - 8</p> <p>+ Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - 4</p> <p>+ Nhảy lò cò 3m. - 5</p> | |
| 3 | <p>- Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <p>+ Trẻ biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p> | <p>+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - 10</p> <p>+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - 2</p> <p>+ Đi thay đổi hướng (dịch dắc) theo vật chuẩn. - 6</p> <p>+ Chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn - 7</p> <p>- Bật - nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục về phía trước. - 2</p> <p>+ Bật xa 35 - 40cm. - 4</p> <p>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - 3</p> <p>+ Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - 7</p> <p>+ Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - 8</p> | |
| 4 | <p>- Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).</p> | <p>- Tung, ném, bắt:</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện. - 7</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay. - 3</p> <p>+ Ném xa bằng 2 tay. - 9</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt. - 1</p> <p>+ Chuyền, bắt bóng qua đầu - 4</p> <p>+ Chuyền, bắt bóng qua chân - 6</p> <p>+ Trèo lên, xuống 5 giống thang. - 6</p> <p>+ Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - 8</p> | |
| 5 | <p>+ Trẻ biết ném trúng đích ngang (xa 2 m).</p> | <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay - 5</p> | |
| 6 | <p>+ Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp</p> | <p>+ Đập bắt bóng tại chỗ - 9</p> | |
| 7 | <p>- Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập</p> | <p>+ Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - 5</p> <p>+ Chạy chậm 60-80m. - 9</p> | |

| | | | | |
|--|--|---|--|--|
| | tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. | | | |
| 8 | + Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. | + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Trườn theo hướng thẳng. + Bò dích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m. + Bò chui qua cổng | - 1 - 4 - 5 - 7 - 3 | |
| 3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt. | | | | |
| 9 | - Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay, | | - 2,3,4,5 | |
| 10 | - Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tụ cài, cởi cúc, buộc dây giày. | - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. | - 4 - 6,8 - 5,7,9 - 9.10 - 3 | |
| b. Dinh dưỡng sức khỏe. | | | | |
| 1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe | | | | |
| 11 | - Trẻ biết được một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin. | - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). | - 1,2,3 | |
| | - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng chiều cao phát | - Khám sức khỏe định kì. - Đo chiều cao cân nặng theo | - 1, 3, 7, 10 | |

| | | | | |
|--|--|---|-------------------------------------|--|
| 12 | triển bình thường theo lứa tuổi. | đổi đều đồ tăng trưởng | | |
| 13 | - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... | - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. | - 4,5,6 | |
| 14 | - Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). | - 1->5 - 1,2,3,4 | |
| 2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt | | | | |
| 15 | - Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. + Trẻ biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. | - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. | - 1,2,3 - 2,3,5,7,9 - 2,4,5,6 | |
| 16 | - Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn | - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | - 1,2,3 | |
| 3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ | | | | |
| 17 | - Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Trẻ biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Trẻ không uống nước lã. | - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Không uống nước lã. | - 2,4 - 9 | |
| | - Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc | - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông, mát | - 2,4,9 | |

| | | | | |
|--|---|--|---|--|
| 18 | <p>nhỏ:</p> <p>+ Trẻ biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học.</p> <p>+ Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</p> <p>+ Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>+ Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.</p> | <p>mẻ vào mùa hè)</p> <p>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</p> <p>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. (Đau bụng, sốt, ho,...)</p> <p>Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</p> <p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người.</p> | <p>- 2,5,6,9</p> <p>- 2,4,9</p> <p>- 2,5,6,9</p> <p>- 2,5,6,9</p> | |
| 4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh | | | | |
| 19 | <p>- Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch</p> | <p>Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng bếp đun, dao, kéo.</p> | <p>- 1,3,4,8</p> | |
| 20 | <p>- Trẻ biết nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần</p> | <p>- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như ao, suối bể chứa nước, bụi rậm ...</p> | <p>- 9</p> | |
| 21 | <p>- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <p>+ Trẻ biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>+ Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</p> <p>+ Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô</p> | <p>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</p> <p>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như leo trèo lan can, cửa sổ</p> | <p>- 1,2,3,7</p> <p>- 1,2</p> <p>- 1,4,7</p> <p>- 8,10</p> | |

| | | | | |
|---|--|---|---|--|
| | giáo. | | | |
| 22 | <p>- Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp</p> <p>+ Trẻ biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>+ Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p> | <p>- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p> <p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ kêu cứu khi bị bắt cóc dọa nạt,...)</p> | <p>- 3</p> <p>- 3,4</p> <p>- 9,10</p> | |
| II. Phát triển nhận thức | | | | |
| a. Khám phá khoa học | | | | |
| 1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng | | | | |
| 23 | <p>- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....</p> | <p>- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.</p> <p>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <p>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</p> <p><i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i></p> <p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</p> | <p>- 2</p> <p>- 9</p> <p>- 5,7</p> <p>- 7</p> <p>- 9</p> <p>- 9</p> | |
| 24 | <p>- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> | <p>Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p><i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i></p> | <p>- 2->10</p> <p>- 7</p> | |
| 25 | <p>- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ:</p> | <p>- Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào</p> | <p>- 5,7,9</p> | |

| | | | | |
|---|--|--|---|--|
| | Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | nước, dự đoán, quan sát, so sánh. <i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi | - 7 - 9 | |
| 26 | - Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | - 8 | |
| 27 | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>(Steam: Dự án "Đồ dùng gia đình" 5E)</i> - Phân loại các phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. <i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. | - 1, 3 - 3 - 8 - 5,7 - 7 - 9 | |
| 2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản | | | | |
| 28 | - Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn" | - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. <i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" 5E)</i> - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - 3,5,7,9 - 5,7 - 7 - 9 - 1,3 | |

| | | | |
|---|---|---|---------|
| | | <p>(Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E) - 3</p> <p>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây - 5,7</p> <p>(Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E) - 7</p> | |
| 29 | <p>- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p> | <p>- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p> | - 8,9 |
| 3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau | | | |
| 30 | <p>- Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p> | <p>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. (Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E) - 5,7</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. (Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E) - 7</p> <p>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. (Steam: Dự án “Đồ dùng gia đình” 5E) - 3</p> <p>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - 8</p> <p>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi (Steam: Dự án “Một số loại quả” 5E) - 1,3</p> <p>- 7</p> | |
| 31 | <p>- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> | <p>- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...</p> | - 1->10 |
| b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán | | | |
| 1. Nhận biết số đếm, số lượng | | | |

| | | | | |
|---------------------------------|---|--|----------------------|--|
| 32 | - Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... | - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... | 1,4,5,7,8 | |
| 33 | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | 1,4,5,7,8 | |
| 34 | - Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | 1,4,5,7,8 | |
| 35 | - Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. | 1,4,5,7,8 | |
| 36 | - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. | Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. | 1,4,5,7,8 | |
| 37 | - Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. | 1,4,5,7,8 | |
| 38 | - Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số điện thoại, biển số xe, ngày trên lịch...) | 3,8,9 | |
| 2. Sắp xếp theo qui tắc | | | | |
| 39 | - Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. | - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. | - 6 - 1 | |
| 3. So sánh hai đối tượng | | | | |
| 40 | - Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo. - So sánh kích thước của 2 đối tượng | - 10 9 3,4,5,6 | |
| 4. Nhận biết hình dạng | | | | |

| | | | | |
|---|--|--|------|--|
| 41 | - Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...) | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. | - 3 | |
| 42 | - Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản | - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. | - 10 | |
| 5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian | | | | |
| 43 | - Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). | - 2 | |
| 44 | - Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. | - 9 | |
| c) Khám phá xã hội | | | | |
| 1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng | | | | |
| 45 | - Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | - Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. | - 2 | |
| 46 | - Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. | - 3 | |
| 47 | - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã) khi được hỏi, trò chuyện. | - Nói địa chỉ của gia đình mình (Tên bản, tên xã) | - 3 | |
| 48 | - Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên, địa chỉ của trường lớp. | 1 | |
| 49 | - Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. | - 1 | |
| 50 | - Trẻ biết nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được | - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. | - 1 | |

| | | | | |
|--|---|--|-------------------------------|--|
| | hỏi, trò chuyện. | | | |
| 2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương | | | | |
| 51 | Trẻ có thể kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện: (Nghề làm nương làm ra lúa gạo, nghề thợ mộc làm nên những ngôi nhà,...) | - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” | - 4 | |
| 3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. | | | | |
| 52 | - Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông) | - Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước (Ngày khai giảng, tết trung thu, Tết mông) | 1,4,6,10 | |
| 53 | - Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. | - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh | - 10 | |
| III. Phát triển ngôn ngữ | | | | |
| 1. Nghe hiểu lời nói | | | | |
| 54 | - Trẻ thực hiện được chỉ dẫn có 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | Nghe hiểu và làm theo được chỉ dẫn có 2, 3 hành động | - - 1,5,7,9 | |
| 55 | - Trẻ hiểu một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ. | - Hiểu một số từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật hiện tượng đơn giản gần gũi với trẻ: rau quả, con vật, đồ gỗ... - Nói được các tiếng của tiếng việt (TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới) | - 5,7 - 1->10 | |
| 56 | - Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát quen thuộc của địa phương như: xòe hoa, inh lá oi, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu | - 5->10 - 1->10 - 5->10 | |

| | | | | |
|---|--|--|---------|--|
| | | đó, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | | |
| 2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày | | | | |
| 57 | - Trẻ nói rõ được để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ có thể nói các từ, mẫu câu mới. | - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Nói được các tiếng của tiếng việt(TCTV: Trẻ nói được từ và mẫu câu mới) | - 1->10 | |
| 58 | - Trẻ biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... | - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. | - 5->10 | |
| 59 | - Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. | - 5->10 | |
| 60 | - Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự. | - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. | - 8,9 | |
| 61 | - Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. | 1->10 | |
| 62 | - Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc. | - Kể lại truyện đã được nghe theo sự gợi ý của cô. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. | 1->10 | |
| 63 | - Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | - Đóng kịch theo sự hướng dẫn của cô. | 5,6,7,8 | |
| 64 | - Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. | 1->10 | |
| 65 | - Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp | - 4,6,7 | |
| 3. Làm quen với việc đọc – viết | | | | |
| 66 | - Trẻ biết chọn sách, truyện gần gũi để xem. | - Giữ gìn bảo vệ sách - Xem và nghe đọc các loại sách, truyện gần gũi với trẻ. Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. | - 5->7 | |

| | | | | |
|----|--|---|---------|--|
| 67 | - Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. | - 8,9 | |
| 68 | - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | - Có thể phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách theo sự hướng dẫn của cô - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu theo sự hướng dẫn của cô. | 3->7 | |
| 69 | - Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. | Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) | - 7->10 | |
| 70 | - Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. | - Nhận dạng một số chữ cái. | - 1->10 | |

IV. Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

| | | | | |
|----|--|---|-------------------------------------|--|
| 71 | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. | - Tên, tuổi, giới tính. | - 2 | |
| 72 | - Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. - Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính (Bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh thay quần áo nơi kín đáo, chú ý các động tác khi mặc váy,.....) - Trẻ nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của | - Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết ứng xử phù hợp với giới tính (Bạn trai nhường bạn gái, biết tự đi vệ sinh thay quần áo nơi kín đáo, chú ý các động tác khi mặc váy,.....) - Nói được sở thích (Ăn uống, các hoạt động,...), khả năng của bản thân (Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....) | - 2,3 - 2,4,6 - 2,4,6 | |

| | | | | |
|--|--|---|---------|--|
| | bản thân (Có thể làm được gì, không thể làm được gì,.....) | | | |
| 2. Thể hiện sự tự tin tự lực | | | | |
| 73 | - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | - 4,5,7 | |
| 74 | - Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | - Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | - 4,5,7 | |
| 3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh | | | | |
| 75 | - Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. | - 2,5 | |
| 76 | - Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. | - 6,7,8 | |
| 77 | - Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. | - Kính yêu Bác Hồ. | - 10 | |
| 78 | - Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | - 10 | |
| 79 | - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, địa phương.) | - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước địa phương (Đồi A1, hầm đờ cát, tượng đài,....) | - 10 | |
| 4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội | | | | |
| 80 | - Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình (Vâng lời ông bà bố mẹ, anh chị khi muốn đi chơi) | - 1,3 | |

| | | | | |
|---|---|---|----------------|--|
| | | - Biết giúp cô giáo, bố mẹ công việc vừa sức: Quét nhà, quét lớp, phơi khăn, kê bàn ghế,....) | | |
| 81 | - Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | - Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Phân biệt hành vi “đúng” “sai”, “tốt” - “xấu”. | - 2,3 - 2,3 | |
| 82 | - Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói. | - Lắng nghe ý kiến của người khác | - 1, 2 | |
| 83 | - Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | - Tôn trọng hợp tác, chấp nhận với bạn: Xếp hàng rửa tay, khi thực hiện các công việc được giao,.... | - 6,7,8 | |
| 84 | - Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). | - Trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (kê bàn, xếp ghế, xếp dọn đồ chơi, trực nhật,.....).. | 1->5 | |
| 5. Quan tâm đến môi trường | | | | |
| 85 | - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. | - 5,7 | |
| 86 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định | Giữ gìn vệ sinh môi trường (Không xả rác vứt rác bừa bãi, bẻ hái hoa....) | - 4,7,8 | |
| 87 | - Trẻ biết không nên bẻ cành, bứt hoa. | - Không nên bẻ cành, bứt hoa. | - 1,6,7 | |
| 88 | - Trẻ biết không nên để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | - Tiết kiệm điện, nước (tắt quạt tắt điện khi không dùng, khi ra khỏi phòng, biết khóa vòi nước sau khi rửa tay, rửa mặt, ...) | - 1,3,9 | |
| V. Giáo dục Phát triển thẩm mỹ. | | | | |
| 1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật | | | | |
| 89 | - Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. | - 1->10 | |
| | - Trẻ biết chú ý nghe, | - Nghe và nhận ra các loại | | |

| | | | | |
|--|--|---|---------------------|--|
| 90 | thích thú (hát , vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. | nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). | - 1->10 | |
| 91 | - Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. | - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. | 1->10 | |
| 2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình | | | | |
| 92 | - Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ... | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. | 1->10 | |
| 93 | - Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). | - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ (nhạc cụ có ở địa phương) gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu | 1->10 | |
| 94 | - Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên của địa phương để tạo ra sản phẩm. | - Phối hợp các nguyên vật liệu sẵn có trong thiên nhiên, địa phương (Hạt ngô, hạt đỗ, lá cây, rơm,.....) để tạo ra các sản phẩm. <i>(Steam: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>(Steam: Dự án "một số loại quả" EDP)</i> | 1->10 - 3 - 7 | |
| 95 | - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | - Sử dụng các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. | 1->10 | |
| 96 | - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản | - Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình | 1->10 | |

| | | | | |
|--|--|--|-----------------------------|--|
| | phẩm có màu sắc, bố cục. | dáng/đường nét. <i>(Steam: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> | - 3 | |
| 97 | - Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | - Sử dụng các kỹ năng nặn như xoay tròn lăn dọc, ấn dẹt, nắm, uốn cong, miết,.... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. <i>(Steam: Dự án "một số loại quả" EDP)</i> | 1->10 - 7 | |
| 98 | - Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | - Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét. | 1->10 | |
| 99 | - Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. <i>(Steam: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" EDP)</i> | 1->10 - 3 - 7 | |
| 3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật | | | | |
| 100 | - Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. | 1->10 | |
| 101 | - Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. | 1->10 | |
| 102 | - Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. <i>(Steam: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>(Steam: Dự án "Một số loại quả" EDP)</i> | 1->10 - 3 - 7 | |
| 103 | - Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | - Đặt tên cho sản phẩm của mình. <i>(Steam: Dự án "Một số đồ dùng gia đình" EDP)</i> <i>(Steam: Dự án "một số loại quả" EDP)</i> | 1->10 - 3 - 7 | |

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG**TRƯỜNG MẦM NON TÀI DÌNH****DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ NĂM HỌC 2024 – 2025****LỚP MẪU GIÁO NHỎ****(35 tuần thực học)**

| stt | Chủ đề | Chủ đề nhánh | Số tuần | Thời gian | Lễ hội | Điều chỉnh BS |
|--|---------------------------------|---------------------------------------|---------|---------------------|---------------------------------|---------------|
| <i>Ngày 06/9/2024 đón trẻ rên nền nếp, lễ giáo</i> | | | | | | |
| 1 | Trường MN (3 tuần) | - Trường mầm non của bé | 1 | 9/9 - 13/9/2024 | Ngày hội bé đến trường | |
| | | - Bé vui trung thu | 1 | 16/9 - 20/9/2024 | Ngày hội trăng rằm | |
| | | - Lớp học của bé | 1 | 23/9 – 27/9/2024 | | |
| 2 | Bản thân (3 tuần) | Bé giới thiệu về bản thân | 1 | 30/9- 04/10/2024 | | |
| | | Cơ thể kỳ diệu của bé | 1 | 07/10 - 11/10/2024 | | |
| | | Bé cần gì để lớn lên và khoẻ mạnh | 1 | 14/10 - 18/10/2024 | Ngày hội liên hiệp Phụ nữ 20/10 | |
| 3 | Gia đình của bé (4 tuần) | Những người thân yêu của bé | 2 | 21/10 - 01/11/2024 | | |
| | | - Ngôi nhà của gia đình bé | 1 | 04/11 – 8/11/2024 | | |
| | | - Steam: Dự án đồ dùng gia đình | 1 | 11/11 - 15/11/2024 | | |
| 4 | Nghành nghề (4 tuần) | Ngày hội của thầy cô | 1 | 18/11 - 22 /11/2024 | Ngày nhà giáo VN 20/11 | |
| | | - Bé tìm hiểu về nghề nông | 1 | 25/11 - 29/11/2024 | | |
| | | - Bé tìm hiểu nghề y | 1 | 02/12 - 06/12/2024 | | |
| | | - Bé tìm hiểu về nghề phổ biến | 1 | 9/12 - 13/12/2024 | | |
| 5 | Thế giới động vật | - Một số con vật sống trong gia đình. | 1 | 16/12 - 20/12/2024 | Ngày quân đội nhân dân VN 22/12 | |

| | | | | | | |
|--|-----------------------------------|---|---|--------------------|---|---------------------|
| | (4 tuần) | - Một số con vật sống trong rừng. | 1 | 23/12 - 27/12/2024 | | Kết thúc Học kỳ I |
| | | - Một số con vật sống dưới nước. | 1 | 30/12 - 03/01/2025 | | |
| | | - Bé tìm hiểu một số con côn trùng và chim | 1 | 06/01 - 10/01/2025 | | |
| Soạn ôn học kì I 13/1 – 17/1/2025 | | | | | | |
| 6 | Tết và mùa xuân (3 tuần) | Bé tìm hiểu về tết Nguyên Đán | 1 | 20/01 - 24/01/2025 | Bé vui đón tết, tổ chức hoạt động cho trẻ đón tết | Tái giảng học kỳ II |
| | | Nghỉ tết Nguyên Đán 27/01 - 31/01/2025 | | | | |
| | | Mùa xuân trên bản làng | 1 | 03/02 – 07/02/2025 | | |
| | | Lễ hội mùa xuân | 1 | 10/02 – 14/02/2025 | | |
| 7 | Thế giới thực vật (4 tuần) | - Bé tìm hiểu về cây xanh | 1 | 17/02 – 21/02/2025 | Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 | |
| | | - Một số loại hoa | 1 | 24/02 – 28/02/2025 | | |
| | | - Steam: Dự án một số loại quả | 1 | 3/3 - 7/3/2025 | | |
| | | - Một số loại rau | 1 | 10/3 – 14/3/2025 | | |
| 8 | Một số PTGT (3 tuần) | - Một số PT và QDGT đường bộ | 1 | 17/3 – 21/3/2025 | | |
| | | - Một số PTGT đường thủy | 1 | 24/3 - 28/3/2025 | | |
| | | - Một số PTGT đường hàng không | 1 | 31/3 - 04/4/2025 | | |
| 9 | Nước và các HTTN (3 tuần) | - Bé tìm hiểu nước và ích lợi của nước | 1 | 07/4 – 11/4/2025 | | |
| | | - Bé tìm hiểu một số hiện tượng tự nhiên | 1 | 14/4 - 18/4/2025 | | |
| | | - Bé tìm hiểu các mùa trong năm | 1 | 21/4 - 25/4/2025 | | |

| | | | | | |
|-----------|--|------------------------------|---|-----------------|-----------------------------------|
| 10 | QH - ĐN - BH - (4 tuần) | - Quê hương Điện Biên của bé | 1 | 28/4–02/5/2025 | Giải phóng MN thống nhất đất nước |
| | | Đất nước Việt Nam | 1 | 05/05–09/5/2025 | Chiến thắng ĐBP |
| | | - Bác Hồ kính yêu | 1 | 12/5–16/5/2025 | |
| | | - Bản làng nơi e sinh sống | 1 | 19/5–23/5/2025 | |

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PHÊ DUYỆT**



Trần Thị Thủy